

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2020.

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Như Âm và ông Lê Ngọc Tâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, về việc: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST-DS ngày 03/9/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thiên H** - sinh năm 1988; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Khu phố L, thị trấn T, thành phố A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Ông **Nguyễn T (T NGUYEN)** - sinh năm 1985; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Hoa Kỳ.

Nơi cư trú: D St, S F, CA 94134, USA (Hoa Kỳ), vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*/ Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên H trình bày có nội dung như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyễn T (T NGUYEN) - sinh năm 1985, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/5/2017. Sau khi kết hôn bà H và

ông Nguyen T sống chung với nhau được một thời gian ngắn, thì ông Nguyễn T (T NGUYEN) trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc đến nay. Do thời gian xa cách đã lâu và không thể chung sống bên nhau, không quan tâm chăm sóc được cho nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Hương khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyen T (T NGUYEN).

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông Nguyen T (T NGUYEN) chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định bà và ông Nguyen T (T NGUYEN) không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***\*/ Tại Đơn xin ly hôn vắng mặt, bị đơn ông Nguyen T (T NGUYEN) trình bày có nội dung như sau:***

Ông Nguyen T và bà Nguyễn Thị Thiên H kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/5/2017. Sau khi kết hôn, ông Nguyen T đã làm thủ tục bảo lãnh vợ sang Mỹ nhưng hồ sơ không được chấp nhận, nên vợ chồng không thể chung sống với nhau. Do đó nếu tiếp tục kéo dài tình trạng sống xa cách sẽ không thể hiểu và yêu thương, mục đích của hôn nhân không đạt, nên ông Nguyen T cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thiên H. Do công việc bận và đang ở quá xa, không thể trực tiếp về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, nên ông Nguyen T đề nghị Toà án xét xử ly hôn vắng mặt ông.

Về con chung, tài sản chung: Ông Nguyen T (T NGUYEN) xác định giữa ông và bà H không có con chung hay tài sản chung.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến xác định:*** Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyen T (T NGUYEN) kết hôn với nhau, nhưng do điều kiện hoàn cảnh nên không thể chung sống được với nhau; bà H có đơn xin ly hôn, đối với ông Nguyen T đã có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên H và tuyên bà Nguyễn Thị Thiên H được ly hôn ông Nguyen T (T NGUYEN).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, theo quy định tại khoản 3

Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 1 Điều 470 Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên H, hiện đi làm ăn đang ở xa, công việc bận và sức khỏe không đảm bảo nên có đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; đối với bị đơn ông Nguyen T (T NGUYEN), là người mang quốc tịch Hoa Kỳ hiện đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, ông Nguyen T (T NGUYEN) đã có đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, là phù hợp với quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung:**

Bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyen T (T NGUYEN) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/5/2017, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn, thì ông Nguyen T (T NGUYEN) trở về Hoa Kỳ sinh sống, làm việc đến nay. Bà H xác định do hoàn cảnh nên vợ chồng không thể chung sống được với nhau và hiện nay tình cảm không còn, nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyen T (T NGUYEN); đối với ông Nguyen T (T NGUYEN), đã có văn bản đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thiên H.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyen T (T NGUYEN) không còn chung sống với nhau, tình cảm thực sự không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn ông Nguyen T (T NGUYEN) cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên H, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Thiên H được ly hôn ông Nguyen T (T NGUYEN), là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung và tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyen T (T NGUYEN) đều xác định không có con chung và tài sản gì chung và không yêu cầu, nên Toà án không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[3] Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Thiên H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470; Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên H. Bà NGUYỄN THỊ THIÊN H được ly hôn với ông NGUYEN T (T NGUYEN).

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thiên H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Thiên H nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0015470 ngày 25/8/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Bị đơn ông Nguyen T (T NGUYEN) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;

.....

- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trương Công Bình**